

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/02/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	19	0		16	0	Puma
2		TD5	7:25	19	0		11	0	EC
3		TD3	9:25	17	0		17	0	Puma
4		P4	9:25	16	0		12	0	AW
5		PPD	9:25	18	0		19	0	EC
6		P1+P6+TD5	11:25	7+3+7	0+0+0		0+5+0	0+0+0	EC
7		RP3+P10+P9	11:25	8+11+0	0+0+0		0+1+5	0+0+0	EC
8		P4+TD2	11:25	13+4	0+0		0+5	0+0	AW
9		RP3	11:25	19	0		14	0	Puma

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2025	TO: TD2	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	22	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÌNH DUY HAI	TD2	34	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN NAM	TD2						79	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VINH THUẬT	TD2	24	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD2						79	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG XUÂN KIẾN	TD2	26-27	2	5			69	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2	36	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ MINH ĐỨC	TD2	30	1	5			92	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	17	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD2	28-29	2	19			62	SLB	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC THỊNH	TD2	32	1	9	1	16	76	SLB	Vietnamese
12	NGUYỄN CHI ĐỨC	TD2	25	1	2	4	60	55	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN HUÂN	TD2	18	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	19-20	2	12			63	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN MINH	TD2	35	1	9			63	KHOAN	Vietnamese
16	CÚ THANH NHÂN	TD2	21	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD2	23	1	10			62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN AN	TD2	37-38	2	13			78	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ ANH TUẤN	TD2	31	1	7			88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	19	1.366	21	128	5	76	16		
TOTAL		19	1.366	21	128	5	76	16		
WEIGHT KG			1.366		128		76			

GRAND TOAL: 1.570 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2025	TO: TD5	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - TTRUNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	40	1	2			72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	26	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
3	HÀ THANH TUNG	TD5	31	1	6			88	KHOAN	Vietnamese
4	TU DƯƠNG DUNG	TD5	24	1	4	2	19	71	KHOAN	Vietnamese
5	CAO ĐỨC HAI	TD5	25	1	4	2	40	87	KHOAN	Vietnamese
6	HỒ VĂN TIẾN	TD5	35	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
7	HỒ NGỌC LIÊM	TD5	27	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN THUY	TD5	39	1	10			74	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	41	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
10	FREDINAND LIGADU	TD5	36-37	2	20			81	PVD BAKEL	Malaysian
11	NGUYỄN TIẾN DUNG	TD5	32-33	2	18			91	PVDWS	Vietnamese
12	CAO XUÂN VINH	TD5	29	1	14			81	PVDWS	Vietnamese
13	LÊ TUNG PHONG	TD5	38	1	15			65	PVDWS	Vietnamese
14	DƯƠNG MẠNH QUYẾT	TD5	30	1	14			86	PVDWS	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	34	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÌNH VĂN BẠC	TD5	28	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
17	LƯU VĂN PHONG	TD5						69	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU ĐỨC TÂM	TD5	42	1	7			75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	18	1.361	19	144	4	59	11		
TOTAL		18	1.361	19	144	4	59	11		
WEIGHT KG			1.361		144		59			

GRAND TOAL: 1.564 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2025	TO: TD3	AIRCRAFT: 614	ETD: 09:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ATUẤN - VLINH	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HÙNG QUÂN	TD3	48	1	10			71	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU NHÂN	TD3	46	1	9			65	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3						69	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	53	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN TRỌNG BĂNG	TD3	54	1	9			69	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3						75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH ĐÌNH	TD3	47	1	12			53	KHOAN	Vietnamese
8	VƯƠNG HỮU QUỐC THAI	TD3	42	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	41	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	TD3	50	1	5	1	19	73	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	55	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG THANH TÚ	TD3	38	1	7			91	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC BAO TÚ	TD3	43	1	4			54	KHOAN	Vietnamese
14	CAO ĐỨC SÁNG	TD3	51-52	2	10			58	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN QUÂN	TD3	44-45	2	13	1	20	70	KHOAN	Vietnamese
16	HA KHUÔNG DUY	TD3	39-40	2	18			66	KHOAN	Vietnamese
17	ĐỖ TRỌNG HIỀN	TD3	36-37	2	16			70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	17	1.179	19	136	2	39	17		
TOTAL		17	1.179	19	136	2	39	17		
WEIGHT KG			1.179		136		39			

GRAND TOAL: 1.354 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2025		TO: P4			AIRCRAFT: 645			ETD: 09:30		
FLIGHT: 4		FROM: VT			CREW: PTHẮNG - DƯƠNG			ETA: 11:20		
XANH-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P4	63	1	5	4	80	77	XN KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN CANH TÂN	P4	49	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH NGỌC QUY	P4	53	1	4			76	KHI	Vietnamese
4	PHẠM TRẠI	P4	55	1	5			60	KHI	Vietnamese
5	PHẠM THỂ TRƯỜNG	P4	52	1	6			78	KHI	Vietnamese
6	TÀ XUÂN HIẾU	P4	51	1	5			67	KHI	Vietnamese
7	PHAN HỒNG TÂM	P4	61-62	2	11			60	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	44	1	5			72	KHI	Vietnamese
9	DOÀN THANH CÔNG	P4	50	1	7			73	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	57	1	5			71	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN DANG TUÂN	P4	58	1	6			69	KHI	Vietnamese
12	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	60	1	5			61	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	P4	54	1	7			77	KHI	Vietnamese
14	BUI ĐĂNG TIỀN	P4	64	1	8			70	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	56	1	7			65	KHI	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	59	1	3			82	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	16	1.128	17	92	4	80	12		
TOTAL		16	1.128	17	92	4	80	12		
WEIGHT KG			1.128		92		80			

GRAND TOAL: 1.300 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2025	TO: PPD	AIRCRAFT: 618	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - TTRUNG	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	95	1	4			69	KHI	Vietnamese
2	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	16	1	3			78	KHI	Vietnamese
3	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	19	1	6			86	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	20	1	3			79	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	22	1	3			76	KHI	Vietnamese
6	KOLESNIK A.Y	PPD	18	1	10			104	KHI	Russian
7	LÊ MINH PHỤNG	PPD	99	1	6			77	KHI	Vietnamese
8	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	4000	1	5			76	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG NHẬT MINH	PPD	97-98	2	13			84	KHI	Vietnamese
10	BUI THANH	PPD	94	1	3			63	KHI	Vietnamese
11	ĐO VĂN THANH	PPD	17	1	3			86	KHI	Vietnamese
12	CAO NGỌC TRỌNG	PPD	23	1	15			76	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH GIANG	PPD	24-25	2	19	3	45	79	CODIEN	Vietnamese
14	PHẠM HAI QUANG	PPD	93	1	3			72	KHI	Vietnamese
15	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	21	1	6			75	KHI	Vietnamese
16	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	96	1	12			66	KHI	Vietnamese
17	LÊ QUANG NINH	PPD	15	1	4			69	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	17	1.315	19	118	3	45	19		
TOTAL		17	1.315	19	118	3	45	19		
WEIGHT KG			1.315		118		45			

GRAND TOAL: 1.478 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/02/2025	TO: P1 - P6 - TD5	AIRCRAFT: 618	ETD: 12:10
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - TTRUNG	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ NGỌC LUÂN	P1	85	1	14			67	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC HÙNG	P1	86	1	18	4	55	71	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC THỊNH	P1	89-90	2	12			52	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH HÙNG	P1	92	1	10			75	XAYLAP	Vietnamese
5	VO HOANG LAM	P1	91	1	17			64	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU TRƯỞNG	P1	87-88	2	16			73	XAYLAP	Vietnamese
7	NGÔ ANH QUỐC	P1	93	1	14			64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH DUNG	P6	50	1	3			92	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN NGỌC QUYẾT	P6	51	1	4			74	NIPI	Vietnamese
10	TRẦN KHOA TRƯỞNG	P6	52	1	6			78	NIPI	Vietnamese
11	LUƠNG MINH PHỤNG	TD5	55	1	10	2	44	58	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HIỆU	TD5	47-49	3	15			84	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG MINH TUẤN	TD5	53	1	17			87	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH CHÍ CÔNG	TD5	51	1	13			64	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ HỮU HÙNG	TD5	52	1	11			73	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	50	1	9			77	DVL	Vietnamese
17	BUI BẠCH DƯƠNG	TD5	54	1	13			74	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	7	466	9	101	4	55	0		THAO 02 GHE CHO HANG
2	P6	3	244	3	13	0	0	5		
3	TD5	7	517	9	88	2	44	0		
TOTAL		17	1.227	21	202	6	99	5		
WEIGHT KG			1.227		202		99			

GRAND TOAL: 1.528 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

maurke

[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2025	TO: RP3 - P10 - P9	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HOÀI - XTRƯỜNG	ETA: 14:20
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOÀNG THANH HÒA	RP3	94	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ VĂN LUÔNG	RP3	98-99	2	5			65	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SEN	RP3	95	1	7			70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	RP3	400	1	4			80	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	25	1	5			57	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	27	1	10			75	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	26	1	4			72	KHI	Vietnamese
8	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	96-97	2	9			66	KHI	Vietnamese
9	LÊ MINH NGỌC	P10	99,200	2	15			82	XAYLAP	Vietnamese
10	HA VĂN TRƯỜNG	P10	10	1	11			57	XAYLAP	Vietnamese
11	MAI VĂN BÌNH	P10	11	1	9			63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC THỊNH	P10	97-98	2	15			73	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ CÔNG PHONG	P10	87	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
14	VO VAN DUC CHI	P10	93-94	2	12			65	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM CAO NHÂN	P10	90-92	3	18			70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	P10	12-13	2	16			73	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN NGỌC THANH	P10	85	1	10	1	13	80	XAYLAP	Vietnamese
18	NINH TRUNG LUÔNG	P10						66	XAYLAP	Vietnamese
19	VÔ QUỐC THANH	P10	88	1	10	1	11	74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	8	547	10	49	0	0	0		
2	P10	11	775	16	130	2	24	1		
3	P9	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		19	1.322	26	179	2	24	6		
WEIGHT KG			1.322		179		24			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2025		TO: P4 - TD2			AIRCRAFT: 645			ETD: 12:05		
FLIGHT: 8		FROM: VT			CREW: PTHẮNG - DƯƠNG			ETA: 13:55		
XANH-3										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KIREEV MARAT	P4	33	1	5			86	NIPI	Russian
2	NGUYỄN THANH HÒA	P4	35	1	4			93	NIPI	Vietnamese
3	ĐOÀN VIỆT ĐÔNG	P4	36	1	12			77	CODIEN	Vietnamese
4	VŨ NGỌC CĂN	P4	37	1	6	4	62	83	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN SƠN TIẾN	P4	42	1	6			67	KHI	Vietnamese
6	LE TRUNG LAM	P4						71	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TÀI	P4						71	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	41	1	4			75	KHI	Vietnamese
9	VŨ NGỌC TUẤN	P4	40	1	5			83	KHI	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	34	1	6			67	KHI	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH ĐỊNH	P4	43	1	5			75	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	TD2	73-74	2	8			79	ANTOAN	Vietnamese
13	VŨ THANH DƯƠNG	TD2	75	1	8			88	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG HOÀN	TD2	70-71	2	18			89	DVL	Vietnamese
15	VŨ THANH NHẬT	TD2	72	1	5			81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	11	848	9	53	4	62	0		
2	TD2	4	337	6	39	0	0	5		
TOTAL		15	1.185	15	92	4	62	5		
WEIGHT KG			1.185		92		62			

GRAND TOAL: 1.339 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2025	TO: RP3	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ATUÂN - VLINH	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	10	1	4			57	KHI	Vietnamese
2	PANKRATOV	RP3	07	1	12			90	KHI	Russian
3	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	13-14	2	16			75	KHI	Vietnamese
4	HA THE BAO	RP3	18-19	2	9			81	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH HA	RP3	04	1	5			82	KHI	Vietnamese
6	PHẠM VĂN LẬP	RP3						59	KHI	Vietnamese
7	NGO NGOC HAN	RP3	05-06	2	8			63	KHI	Vietnamese
8	PHẠM BÌNH NAM	RP3	17	1	11			60	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN NGOC HA	RP3	09	1	8			93	KHI	Vietnamese
10	TRẦN TUẤN ANH	RP3	28-30	3	18			75	KHI	Vietnamese
11	MAI NGOC CUONG	RP3	01,03	2	18			72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VU HIỆP	RP3	15-16	2	20			64	KHI	Vietnamese
13	PHẠM THANH TÙNG	RP3	20-21	2	22			85	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN BÌNH	RP3	22-23	2	21			62	KHI	Vietnamese
15	LƯƠNG NGOC TÂN	RP3				1	35	68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH NGOC	RP3	24-26	3	22			73	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HUU THUYẾT	RP3	11-12	2	11			69	KHI	Vietnamese
18	PHI THANH LONG	RP3	08	1	6			60	KHI	Vietnamese
19	VŨ NGOC BAO	RP3	27	1	8			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	19	1.345	29	219	1	35	14		
TOTAL		19	1.345	29	219	1	35	14		
WEIGHT KG			1.345		219		35			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN BDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/02/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+CLO	7:25	11+8	0+0		8+8	0+0	Chuyen 2 TD1-CLO, EC
2		TD1+AMD	9:25	16+3	0+0		8+0	0+0	EC
3		SAVR+CLO+RC10	11:25	6+12+1	0+0+0		0+8+1	0+0+0	EC
4		AMD	11:25	18	0		0	0	Puma

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/02/2025	TO: TD1 - CLO	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HLONG - XTRƯỜNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	95	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC THAI	TD1	88	1	5	1	13	83	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN TUẤN TỰ	TD1	96	1	7	3	60	70	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VĂN LUẬN	TD1	87	1	2			72	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	90	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD1	89	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
7	LẠI ĐỨC LAM	TD1	94	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	86	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HUY	TD1	91	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	93	1	5			86	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	92	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM TIẾN NINH	CLO	09	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM MINH HOÀNG	CLO	05	1	7			95	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VIỆT HÙNG	CLO	07	1	12			65	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐOÀN SỬU	CLO	04	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VIỆT BÁC	CLO	08	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ MINH HIỆP	CLO	06	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN QUYÊN	CLO	02-03	2	18			65	YTE	Vietnamese
19	SHEVCHENKO DMITRII	CLO	01	1	7			78	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	11	788	11	57	4	73	8	2	CHUYEN 02 PAX TU TD1 SANG CLO
2	CLO	8	590	9	72	0	0	8		
TOTAL		19	1.378	20	129	4	73	16		
WEIGHT KG			1.378		129		73			

GRAND TOAL: 1.580 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/02/2025	TO: TD1 - AMD	AIRCRAFT: 620	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HLONG - XTRƯỜNG	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÔ TUẤN ANH	TD1	21	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	30	1	12			86	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ QUANG LỤC	TD1	20	1	9			65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	29	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ QUÝ VINH	TD1	24-25	2	12			75	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VIỆT THANH	TD1	18-19	2	11			76	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN HOÀNG SƠN	TD1	38	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG SƠN	TD1	15-16	2	19			73	BAKER HU	Vietnamese
9	TRẦN HOÀNG SANG	TD1	37	1	15			92	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC TUẤN	TD1	31-32	2	18			67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	TD1	17	1	12			71	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD1	35	1	10	1	13	61	CODIEN	Vietnamese
13	PHAN MẠNH HÙNG	TD1	26-28	3	18			68	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN MINH HOÀNG	TD1	22-23	2	17			95	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC BÌNH	TD1	39-40	2	11			65	CODIEN	Vietnamese
16	BUI NGỌC ĐO	TD1	33-34	2	8			70	ANTOAN	Vietnamese
17	BUI VĂN ĐỨC	AMD	02-03	2	8			71	HA VIỆT	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN MẠNH	AMD	01	1	10			79	HA VIỆT	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TUẤN	AMD						61	HA VIỆT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	16	1.196	25	186	1	13	8		
2	AMD	3	211	3	18	0	0	0		
TOTAL		19	1.407	28	204	1	13	8		
WEIGHT KG			1.407		204		13			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/02/2025	TO: SAVR - CLO - RC10	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:10
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐTRUNG - MẠNH	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	SAVR	37-38	2	17			70	PVD BAKE	Vietnamese
2	MAI NHÂN DƯƠNG	SAVR	800,54	2	16			74	PVDWS	Vietnamese
3	ĐỖ ĐỨC NGỌC	SAVR	40	1	12			72	PVDWS	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG MINH	SAVR	39	1	12			76	PVDWS	Vietnamese
5	POGIEV VADIM V.	SAVR	41	1	7			79	AMNGR	Russian
6	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	65	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG BẢNG	CLO	68	1	9			82	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ HUY TUYẾN	CLO	64	1	9			55	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	66	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	CLO	70-71	2	14			64	KHOAN	Vietnamese
11	TÔ ANH TUẤN	CLO	67	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
12	FOK S.I.	CLO	73	1	7			125	KHOAN	Russian
13	PHẠM ĐÌNH THỦ	CLO	98	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM (KS)	CLO	75	1	14			75	DVL	Vietnamese
15	USATENKO DMITRII	CLO	74	1	12			100	DVL	Russian
16	NGUYỄN DUNG	CLO	69	1	14			60	DVL	Vietnamese
17	TRƯƠNG MINH KHANH	CLO	72	1	14			72	DVL	Vietnamese
18	PHẠM HỒNG DIỆN	RC10	99	1	5			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	5	371	7	64	0	0	0		
2	CLO	12	923	13	120	0	0	8		
3	RC10	1	67	1	5	0	0	1		
TOTAL		18	1.361	21	189	0	0	9		
WEIGHT KG			1.361		189		0			

GRAND TOAL: 1.550 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/02/2025	TO: AMD	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 13:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG KHẮC TÙNG	AMD	68	1	9	1	13	65	HA VIỆT	Vietnamese
2	LÊ PHƯƠNG THUY	AMD	10-11	2	13			61	HA VIỆT	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG XUÂN	AMD	06	1	10			59	HA VIỆT	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠU THÔNG	AMD	59	1	8			81	HA VIỆT	Vietnamese
5	VÔ VĂN KHOI	AMD	08-09	2	15			72	HA VIỆT	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUẤN	AMD	74	1	12			70	HA VIỆT	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU HIỆU	AMD	69	1	5			55	HA VIỆT	Vietnamese
8	NGUYỄN TÂN PHỤNG	AMD	71	1	8			77	HA VIỆT	Vietnamese
9	TRẦN TUẤN VŨ	AMD	61-62	2	12			68	HA VIỆT	Vietnamese
10	TRỊNH NGỌC HÙNG	AMD	07	1	8			60	HA VIỆT	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LÊ	AMD	60	1	14			66	HA VIỆT	Vietnamese
12	NGÔ VĂN BÌNH	AMD	64-65	2	11			62	HA VIỆT	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG PHÚC PHI	AMD	70	1	9			70	HA VIỆT	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUYẾN	AMD	67	1	9			70	HA VIỆT	Vietnamese
15	NGÔ VĂN QUANG	AMD	66	1	8			68	HA VIỆT	Vietnamese
16	LÊ THANH TRUNG	AMD	63	1	13			64	HA VIỆT	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG TẠO	AMD	57-58	2	11			60	HA VIỆT	Vietnamese
18	HOANG ĐÌNH CƯỜNG	AMD	72-73	2	13			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	18	1.190	24	188	1	13	0		
TOTAL		18	1.190	24	188	1	13	0		
WEIGHT KG			1.190		188		13			

GRAND TOAL: 1.391 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN